| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7-THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:86/2026/QĐST-HNGĐ | *Thanh Hóa, ngày 09 tháng 6 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 0381.8700.5122

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn T (Tên gọi khác: Phạn Xuân T1), sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 0380.8700.8677

Căn cứ Điều 212 và Điều 213; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 55; 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T.

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T thống nhất, thỏa thuận và theo nguyện vọng của cháu Phạm Minh H: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Minh H (giới tính: Nam), sinh ngày 16/8/2009. Ly hôn, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh H đến khi cháu Phạm Minh Hoàn thành N1 (đủ 18 tuổi). Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Chị Bùi Thị N có quyền làm đơn yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T thống nhất, thỏa thuận: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T thống nhất, thỏa thuận: Chị Bùi Thị N chịu toàn bộ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0002737, ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá. Trả lại cho chị N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ly hôn.

Anh Phạm Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND KV7, tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Biện Thượng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Xuân Sơn**